

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Hải

2. Bà Ngô Hồng Điệp

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 608/2022/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

(các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17/11/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày: ông và bà C chung sống với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn, tuy nhiên do tính tình không hòa hợp nên khoảng năm 2008 đã ly hôn. Sau khi ly hôn vẫn sống chung nhà, sau đó bà C đi nước ngoài du lịch cần làm giấy tờ nên đã đăng ký kết hôn lại vào ngày 14/10/2009 tại UBND thị trấn C. Từ khi đăng ký kết hôn lại đến nay mặc dù vợ chồng sống chung nhưng không còn hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn, không còn thương yêu nhau, không quan tâm đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng sống chung nhà nhưng đã ly thân khoảng 03 năm nay. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với bà C nên yêu cầu ly hôn với bà C.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Lê N, sinh năm 1989; Lê Thị Mộng T, sinh năm 1991 và Lê V, sinh năm 1998 đều đã thành niên. Về chia tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn, đến khoảng năm 2006 ông H có quan hệ với người phụ nữ khác nên yêu cầu ly hôn và bà đồng ý. Sau đó vợ chồng vẫn sống chung và ông H muốn hàn gắn để lo cho con nên bà đã đồng ý đăng ký kết hôn lại với ông H vào năm 2009. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống ông H cũng không cùng bà gánh kết để lo cho gia đình, ông H đi làm chỉ lo cho cá nhân ông H và trả tiền điện, nước, internet còn các khoản phí sinh hoạt còn lại trong gia đình đều do bà lo. Do vấn đề sức khỏe nên bà và ông H đã ly thân 03 năm nay, ông H cũng không tôn trọng bà, đối xử không tốt với bà nhưng bà và ông H đã chung sống trên 30 năm nên bà vẫn muốn giữ mối quan hệ vợ chồng để gia đình, con cháu được ổn định, không bị ảnh hưởng tâm lý khi cha mẹ ly hôn. Do đó, bà không đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Lê N, sinh năm 1989; Lê Thị Mộng T, sinh năm 1991 và Lê V, sinh năm 1998 đều đã thành niên. Về chia tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

- Ông H trình bày: ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì ông không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà C, ông không còn tình cảm với bà C, giữa ông và bà C có nhiều mâu thuẫn trong tính cách không còn khả năng hàn gắn.

- Bà C trình bày: bà không đồng ý ly hôn với ông H vì bà và ông H đã chung sống được 35 năm, mặc dù ông H đối xử không tốt với bà nhưng bà vẫn yêu cầu giữ mối quan hệ hôn nhân với ông H để bà và các con có cuộc sống ổn định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim C đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2009 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà C là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ vợ chồng: nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo ông H trình bày là mặc dù sống chung nhà nhưng từ năm 2009 đến nay nhưng cả hai vợ chồng luôn mâu thuẫn dẫn đến không còn tình cảm, vợ chồng đã ly thân cách đây 03 năm và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nay ông không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với bà C nên ông yêu cầu ly

hôn với bà C; đối với bà C thì xác định từ năm 2019 đến nay vợ chồng đã ly thân, ông H không tôn trọng bà và đối xử không tốt với bà, tuy nhiên bà không muốn ly hôn với ông H vì sợ ảnh hưởng đến cuộc sống của bà và con chung. Cả hai đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy: giữa ông H và bà C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không kết quả. Ông H kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà C, bà C không đồng ý ly hôn nhưng bà C không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng; Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà C.

[3] Về nuôi con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Lê N, sinh năm 1989; Lê Thị Mộng T, sinh năm 1991 và Lê V, sinh năm 1998 đều đã thành niên.

[4] Do các đương sự đều trình bày không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: ông H được miễn án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim C.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Lê N, sinh năm 1989; Lê Thị Mộng T, sinh năm 1991 và Lê V, sinh năm 1998 đều đã thành niên.

Về án phí: ông H được miễn án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang